

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 17/2006/TT-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2006

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ**

Căn cứ Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên (sau đây gọi tắt là Quyết định số 304), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung sau:

I. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về đối tượng được giao rừng, khoán bảo vệ rừng; đối tượng rừng, hạn mức giao, khoán bảo vệ rừng cho các đối tượng; quyền lợi và nghĩa vụ của người được giao, nhận khoán bảo vệ rừng; các bước giao, khoán bảo vệ rừng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan Nhà nước, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên.

II. Giao rừng, khoán bảo vệ rừng.

1. Đối tượng được giao rừng, khoán bảo vệ rừng.

Là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thuộc những xã có rừng ở Tây Nguyên, nhưng ưu tiên theo thứ tự sau:

- Những hộ gia đình, cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số nghèo chưa có hoặc thiếu đất sản xuất thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 08

tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là các Quyết định số 132, 134), nhưng địa phương chưa bố trí được quỹ đất sản xuất hoặc giải quyết bằng các biện pháp khác;

- Những hộ gia đình, cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số nghèo chưa có hoặc thiếu đất sản xuất thuộc đối tượng quy định tại các Quyết định số 132, 134 nhưng tự nguyện nhận rừng, nhận khoán bảo vệ rừng để sản xuất, phát triển kinh tế rừng;

- Những cộng đồng buôn, làng có hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất thuộc đối tượng quy định tại các Quyết định số 132, 134, có nguyện vọng và đủ năng lực quản lý các khu rừng được giao, khoán bảo vệ.

2. Đối tượng rừng được giao, khoán bảo vệ.

2.1 Đối tượng rừng được giao.

- Rừng sản xuất là rừng tự nhiên không thuộc rừng giàu, trung bình, không đảm bảo cấp trữ lượng hoặc độ tàn che theo quy định (tại điểm 2.2, Mục 2, Phần II, Thông tư này) và rừng sản xuất là rừng trồng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;

- Những khu rừng trước đây là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nhưng sau khi rà soát lại theo tiêu chí phân cấp rừng phòng hộ, rừng đặc dụng quy định tại Quyết định số 61/2005/QĐ-BNN ngày 12 tháng 10 năm 2005 và Quyết định số 62/2005/QĐ-BNN ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được chuyển thành rừng sản xuất và không đảm bảo cấp trữ lượng hoặc độ tàn che theo quy định (tại điểm 2.2, Mục 2, Phần II, Thông tư này);

- Những khu rừng thiêng, rừng nghĩa trang, rừng bảo vệ mỏ nước của buôn, làng là rừng sản xuất và những khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, nhưng cộng đồng đã sử dụng từ trước thì điều chỉnh quy hoạch và giao cho cộng đồng;

- Diện tích đất lâm nghiệp không có rừng được quy hoạch để trồng rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2.2. Đối tượng rừng được khoán bảo vệ:

- Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ hiện do các ban quản lý rừng, lâm trường, công ty lâm nghiệp... là chủ rừng;

- Rừng sản xuất là rừng tự nhiên do các lâm trường, ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhưng đang đóng cửa rừng hoặc trong kế hoạch 5 năm tới không khai thác và tùy theo từng loại rừng phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Rừng lá rộng thường xanh, nửa rụng lá và rừng lá kim có trữ lượng lớn hơn hoặc bằng $130\text{m}^3/\text{ha}$;
- + Rừng khộp có trữ lượng lớn hơn hoặc bằng $100\text{m}^3/\text{ha}$;
- + Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa, trong đó trữ lượng gỗ lớn hơn hoặc bằng $70\text{m}^3/\text{ha}$;
- + Rừng tre, nứa, lồ ô... có độ tàn che lớn hơn 80%.

3. Hạn mức giao rừng, khoán bảo vệ rừng

3.1. Hạn mức giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân

Thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 304, nhưng tùy theo điều kiện cụ thể về quỹ đất, quỹ rừng của xã được xử lý như sau:

a) Nếu quỹ đất, quỹ rừng của xã lớn hơn nhu cầu của người dân thuộc đối tượng được giao rừng thì phải ưu tiên giao những diện tích gần dân thuận lợi cho công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển sản xuất.

b) Nếu quỹ đất, quỹ rừng của xã thấp hơn so với nhu cầu của người dân thì sẽ tổ chức họp dân để các hộ tự thỏa thuận, trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ giảm cùng một tỷ lệ để đảm bảo công bằng giữa các hộ.

3.2. Hạn mức giao rừng cho cộng đồng:

Căn cứ vào quỹ đất, quỹ rừng thực tế của xã và nhu cầu để xác định quy mô diện tích giao cho cộng đồng, nhưng tối đa không được lớn hơn tổng hạn mức của các hộ thuộc đối tượng được giao có trong cộng đồng cộng lại (hạn mức giao rừng của từng hộ gia đình, cá nhân trong cộng đồng thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 304).

3.3. Hạn mức khoán bảo vệ rừng

a) Hạn mức khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân.

Thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 304. Trong trường hợp quỹ rừng của xã hoặc của chủ rừng không đáp ứng được hạn mức tối thiểu thì giảm bớt số hộ để thực hiện giải pháp hỗ trợ khác, việc xác định số hộ được khoán trong trường hợp này do người dân tự bình chọn trong cộng đồng buôn, làng.

b) Hạn mức khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng quỹ rừng, bên giao khoán quyết định quy mô diện tích giao khoán cho cộng đồng, nhưng phải phù hợp với điều kiện và trình độ quản lý của cộng đồng.

4. Các bước giao rừng, khoán bảo vệ rừng.

Về cơ bản, các bước thực hiện theo quy định tại công văn số 1268/CV-BNN-LN ngày 1/6/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và có bổ sung, điều chỉnh một số điểm, cụ thể như sau:

Bước 1: Công tác chuẩn bị: Do chủ rừng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, bao gồm:

- Rà soát, thống kê đối tượng được giao rừng, khoán bảo vệ rừng theo thứ tự ưu tiên (quy định tại Mục 1, Phần II, Thông tư này) ở từng buôn, làng, xã;
- Căn cứ vào hạn mức giao rừng, khoán bảo vệ rừng quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 304 và quỹ rừng thực tế của đơn vị và địa phương, dự kiến quy mô, vị trí khu rừng để giao, khoán bảo vệ ở từng buôn, làng, xã;

Bước 2: Chủ rừng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp dân theo từng buôn, làng để lựa chọn, bình bầu đối tượng và xác định hạn mức; phổ biến chủ trương, chính sách thực hiện trong giao rừng, khoán bảo vệ rừng theo quy định tại Quyết định số 304;

Bước 3: Xây dựng phương án triển khai:

- Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng tại địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.
- Các chủ rừng chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cộng đồng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

Bước 4: Đánh giá, xác định hiện trạng rừng:

Do các đơn vị chuyên ngành hoặc các chủ rừng tự thực hiện theo phương pháp điều tra đơn giản (chủ yếu dựa vào kết quả kiểm kê rừng tại thời điểm gần nhất và có phúc tra tại thực địa). Hiện trạng rừng chia theo 3 loại:

- * Trạng thái A: gồm rừng tự nhiên là rừng giàu, trung bình (trữ lượng bình quân hoặc độ tàn che đạt mức quy định tại điểm 2.2, Mục 2, Phần II, Thông tư này).
- * Trạng thái B: rừng thứ sinh nghèo, rừng phục hồi (trữ lượng bình quân hoặc độ tàn che nhỏ hơn mức quy định ở trạng thái A nêu trên).
- * Trạng thái C: diện tích đất trống không có rừng phải tiến hành khoanh nuôi tái sinh, hoặc trồng lại rừng.

Bước 5: Bàn giao hiện trường:

Sau khi phương án đã được phê duyệt, đại diện của xã hoặc chủ rừng cùng cá nhân, hộ gia đình, hoặc nhóm đại diện của cộng đồng, xác định ranh giới cụ thể ngoài thực địa (đánh dấu sơn, hoặc cắm mốc cố định) của khu rừng được giao, khoán bảo vệ, đồng thời xác định vị trí, diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại chỗ cho người dân (nếu có). Lập biên bản bàn giao hiện trường đối với từng hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng.

Bước 6: Cấp giấy chứng nhận, lập hồ sơ khoán:

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ giao đất, giao rừng cho cá nhân và cộng đồng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp quyền sử dụng đất;
- Các chủ rừng lập hợp đồng khoán bảo vệ rừng và ký kết hợp đồng thoả thuận trực tiếp với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng.

Bước 7: Xác định mức hưởng lợi từ rừng:

- Căn cứ trạng thái rừng khi giao, các chủ rừng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án phân chia hưởng lợi sản phẩm từ rừng cụ thể cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng buôn, làng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;
- Căn cứ vào hiện trạng rừng khi giao khoán và mức tăng trưởng của rừng (mức tăng trưởng rừng bình quân 1 năm ở các tỉnh Tây Nguyên từ 1,5- 2%), các chủ rừng xây dựng phương án phân chia hưởng lợi sản phẩm từ rừng cho từng đối tượng nhận khoán, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.